

NHẬN DIỆN VĂN HÓA DÒNG HỌ NGƯỜI VIỆT

NGUYỄN QUANG LÊ

1. Quan niệm về Văn hóa dòng họ người Việt (*)

Khái niệm văn hóa được UNESCO định nghĩa “là một phức thể - tổng thể các đặc trưng diện mạo về tinh thần, vật chất, tri thức và tình cảm... khắc họa nên bản sắc của một cộng đồng: gia đình, xóm làng, vùng miền, quốc gia, xã hội... Văn hóa không chỉ bao gồm nghệ thuật, văn chương mà cả những lối sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống giá trị, những truyền thống tín ngưỡng...”⁽¹⁾; theo đó, văn hóa dòng họ cũng là một hiện tượng văn hóa bao gồm toàn bộ các giá trị văn hóa vật chất (văn hóa vật thể) và văn hóa tinh thần (văn hóa phi vật thể) do một cộng đồng huyết tộc/thân tộc sáng tạo ra; và nó khắc họa nên bản sắc của một cộng đồng gia đình, dòng họ/tộc (hay gia tộc) ấy.

Trước đây, khi nghiên cứu văn hóa Việt Nam trong xã hội cổ truyền, phần lớn các nhà nghiên cứu thường nhận diện văn hóa Việt Nam theo một cơ cấu căn bản nhất, gồm ba thành tố: gia đình (*nhà*), làng xã (*làng*), đất nước (*nước*). Họ cho rằng văn hóa gia đình đã bao hàm văn hóa cá nhân (với tư cách là thành viên gia đình) và văn hóa dòng họ (với tư cách gia đình mở rộng, là gia đình lớn - gia tộc). Ngày nay trong bối cảnh đa dạng hóa trong thống nhất của các nền văn hóa trên thế giới, cùng với văn hóa gia đình, làng xã, vùng miền, đất nước, thì văn hóa cá nhân, văn hóa dòng họ trở thành các thực thể có diện mạo cấu trúc

riêng; vì thế trong thực tiễn đã nảy sinh những nhu cầu mới về việc nghiên cứu thấu đáo những thực thể văn hóa này.

Trong bài viết này, chúng tôi quan tâm hơn cả là văn hóa cá nhân và văn hóa cộng đồng. Văn hóa cá nhân được hình thành trên cơ sở năng lực thể chất và môi trường xã hội, để cá nhân ấy có được khả năng tiếp nhận và thể hiện văn hóa cộng đồng mà họ là thành viên. Còn văn hóa cộng đồng (gia đình, dòng họ, làng xã...) bao gồm tất cả những quan niệm, giá trị, các hệ thống ứng xử, được các thành viên trong cộng đồng ấy chia sẻ và chấp thuận. Trên cơ sở ấy, ta có thể coi văn hóa gia đình - dòng họ chính là một dạng thức thuộc về văn hóa cộng đồng, mang tính đặc thù - cộng đồng “huyết tộc/thân tộc” như đã nêu ở trên.

Ngoài ra, cộng đồng huyết tộc/thân tộc của người Việt còn được hiểu là một cộng đồng “tinh thần”, biểu thị ở truyền thống tín ngưỡng của họ tộc về hệ giá trị tiêu biểu: cội nguồn - tổ tiên - huyết tộc. Đối với dòng họ người Việt nói chung, truyền thống tín ngưỡng về cội nguồn huyết tộc/thân tộc là thờ cúng tổ tiên, được tuyệt đại đa số người trong dòng tộc/họ tôn thờ, là cơ sở để cộng cảm, chia sẻ các công việc chung của dòng họ, như thực thi lễ thức thờ cúng tổ tiên, xây dựng từ đường họ tộc (hay nhà thờ họ), chăm lo phần mộ tổ tiên, tổ chức tưởng niệm và cúng giỗ tổ tiên, v.v... Vì vậy, có thể nói rằng: văn hóa dòng họ được hình thành, trên cơ sở của truyền thống tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, cùng với những phương thức biểu hiện của nó, nhằm phát huy các giá trị của dòng họ.

2. Diện mạo cấu trúc của văn hóa dòng họ người Việt

Văn hóa dòng họ của người Việt là một hiện tượng văn hóa xã hội thuộc dạng thức văn hóa cộng đồng huyết tộc/thân tộc, nên

nó cũng có diện mạo cấu trúc gồm các yếu tố: 1. Gia đình - gia đình nhỏ (cha mẹ và con cái), và gia đình lớn - gia đình mở rộng (gồm nhiều gia đình thành viên của một dòng họ hay một gia tộc), và gia phong; 2. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên gia đình, dòng tộc (trong nhiều trường hợp viết tắt là gia tộc, có nghĩa là gia đình lớn); 3. Các thiết chế sinh hoạt văn hóa dòng họ; 4. Tục viết gia phả/tộc phả; 5. Các truyền thống của dòng họ.

2.1. Gia đình, gia tộc và gia phong

Gia đình của người Việt được hiểu theo nghĩa hẹp là gia đình nhỏ, hoặc hiểu theo nghĩa rộng là gia tộc hay dòng họ. Gia đình được coi là một xã hội thu nhỏ (hay một xã hội vi mô), là tổ chức tế bào của xã hội, và là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển xã hội. Theo *Từ điển tiếng Việt* do Văn Tân chủ biên, thì gia đình là “*đơn vị xã hội thành lập trên cơ sở dòng máu...; trong thời kì phong kiến thường có cha, mẹ, con, cháu, có khi có cả chắt...*”⁽²⁾ Thực tế cho thấy văn hóa gia đình, dòng họ người Việt được thể hiện cụ thể và rất sinh động trong nếp sống, sinh hoạt, trong suy nghĩ, tình cảm của mỗi cá nhân thành viên trong cộng đồng gia đình, dòng họ. Đó chính là nề nếp của gia đình và gia tộc.

Theo *Hán Việt từ điển* của Đào Duy Anh, gia phong là “*thói nhà: tập quán, giáo dục trong gia tộc*”⁽³⁾; còn theo *Từ điển tiếng Việt* do Văn Tân chủ biên, gia phong là “*thói nhà, tập quán và giáo dục riêng của từng nhà*”⁽⁴⁾. Như vậy, gia phong là thói nhà, là sự khẳng định của những suy nghĩ, được mọi người trong nhà thừa nhận, làm theo và thực hiện một cách tự giác, tương tự như tập quán hay thói quen, nhằm đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển bền vững của cộng đồng gia đình, gia tộc đó. Gia phong chính là bản sắc văn hóa của mỗi gia

đình/gia tộc người Việt có nền nếp, tức là đặc trưng của văn hóa gia đình - dòng họ.

Gia phong là sự kết tinh kinh nghiệm sống của nhiều thế hệ, chịu ảnh hưởng của nhiều giai đoạn ý thức, và là ý tưởng của nhiều gia đình, gia tộc ở các vùng miền khác nhau. Vì thế, gia phong là một phạm trù rộng lớn có tính chất văn hóa - xã hội sâu sắc, với những nội dung đa dạng phong phú, làm nền tảng vững chắc cho văn hóa gia đình, cũng như văn hóa dòng họ phát triển phù hợp với mỗi thời kì lịch sử văn hóa của dân tộc Việt.

2.2. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên gia đình, dòng họ

Căn cứ vào các nguồn tài liệu đã công bố của dân tộc học, khảo cổ học và văn hóa dân gian, thì ở người Việt cổ cách đây khoảng 2500 - 2700 năm đã xuất hiện tục thờ cúng tổ tiên. Theo quan niệm vạn vật hữu linh của người Việt cổ, thì con người cũng như muôn loài và mọi vật thể đều có linh hồn, dẫn đến việc thờ cúng linh hồn của những người đã khuất trong gia đình người Việt và những vật linh thiêng tại các làng xã nông nghiệp thời cổ đại. Đó là cơ sở hình thành nên tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong gia đình, dòng họ người Việt. Đến khi Nho giáo du nhập vào nước ta, cùng với chế độ phụ quyền, đã ảnh hưởng mạnh mẽ lên tục thờ cúng tổ tiên của người Việt trong suốt thời kì nghìn năm Bắc thuộc. Sau đó đến thời kì phong kiến Đại Việt, cùng với Nho giáo thì chữ hiếu được đề cao, đã làm cho tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên có một nền tảng triết lí sâu sắc hơn. Đồng thời, điều đó làm cho gia đình, gia tộc và vấn đề “*danh gia vọng tộc*” của người Việt cũng được đề cao hơn nhiều. Đến thời nhà Hậu Lê ở thế kỉ XV, Nho giáo chiếm địa vị chính thống trong xã hội; khi ấy triều đình nhà Lê đã thể chế hóa

việc thờ cúng tổ tiên. Điều này, đã được nêu trong bộ luật Hồng Đức, dưới thời vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497), có quy định rõ việc con cháu phải thờ cúng tổ tiên năm đời; và các ruộng hương hỏa, ruộng đèn nhang là cơ sở kinh tế để duy trì việc thờ cúng tổ tiên, dù con cháu có nghèo khó đến đâu, cũng không được cầm bán⁽⁵⁾. Sau đó, từ giữa thế kỉ XVIII, đến nửa đầu thế kỉ XX, nghi lễ thờ cúng tổ tiên được phổ biến trong các cuốn sách: *Thọ Mai gia lễ* của Thọ Mai tiên sinh Hồ Sĩ Tân (1690-1760)⁽⁶⁾; *Việt Nam phong tục* của Phan Kế Bính⁽⁷⁾; sau đó là cuốn *Việt Nam văn hóa sử cương* của Đào Duy Anh⁽⁸⁾; tiếp đến là cuốn *Nếp cũ - Tín ngưỡng Việt Nam* của Toan Ánh⁽⁹⁾, v.v..., đều được lưu hành và phổ biến rộng rãi.

Trong những năm gần đây, nhiều học giả trong nước cho rằng, việc thờ cúng tổ tiên là một loại hình tín ngưỡng dân gian của người Việt, đã được phong tục hóa; việc thờ cúng tổ tiên như một tín ngưỡng gắn liền với sự củng cố quan hệ huyết thống gia đình, họ tộc, với làng xã và quốc gia. Trên cơ sở của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong gia đình, họ tộc, người Việt trước đây mở rộng thành tín ngưỡng thờ Hùng Vương; các vua Hùng được suy tôn là tổ tiên của dân tộc Việt Nam. Vì thế hàng năm nhân dân ta tổ chức lễ hội truyền thống rất linh đình vào ngày giỗ Tổ Hùng Vương mừng 10 tháng 3 (âm lịch), để tưởng nhớ các vua Hùng đã có công dựng nước Văn Lang - nhà nước cổ đại đầu tiên ở nước ta.

Trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, người Việt thực hiện rất nghiêm ngặt nguyên tắc phụ quyền. Thủy tổ của gia tộc - người khai sinh ra dòng tộc, được con cháu muôn đời tri ân công đức, thờ phụng - phải là đàn ông. Vì thế, dòng họ của người Việt giống như một gia đình lớn gồm nhiều gia

đình nhỏ liên kết chặt chẽ với nhau bằng mối quan hệ huyết thống và được xác lập theo người cha. Gia đình theo nghĩa rộng là gia tộc, không chỉ bao gồm những người sống mà cả những kẻ đã chết. Do đó gia tộc khi ấy giống như một ngôi đền, mà các thành viên sống đang đứng ở các trụ quan của tiền điện, rồi người trước kẻ sau đều lần lượt bước qua ngưỡng cửa quan trọng đó, là ngưỡng cửa của cái chết để bước vào đền trong nơi chính điện. Nhưng tất cả mọi người đều được che chở trong cùng một mái nhà. Khi đó, các mối quan hệ lúc còn sống không bị loại trừ bởi cái chết; mà ngược lại, các mối liên hệ ấy, qua tôn giáo tín ngưỡng được linh thiêng hóa trở thành bền vững hơn, trường tồn và hiện hữu, như việc thờ cúng tổ tiên các gia tộc của người Việt trong xã hội cổ truyền trước đây⁽¹⁰⁾.

Hơn nữa, nguyên tắc phụ quyền còn chi phối việc quy định về người được quyền thờ cúng, tế tự tổ tiên. Đào Duy Anh nhận xét: "*Người chủ trì việc tế tự tổ tiên là trưởng trong gia đình nhỏ và tộc trưởng ở trong gia tộc*"⁽¹¹⁾. Dựa trên nguyên tắc phụ quyền, người Việt đã tổ chức họ tộc thành hai dòng: dòng họ nội và dòng họ ngoại. Từ bao đời nay, dòng họ nội của người Việt được cấu trúc thành "cửu tộc" (chín đời) theo họ cha. Đó là từ mình (ngã - tôi) tính lên bốn đời là: phụ (cha), tổ phụ (ông), tăng tổ (cụ), cao tăng tổ (kị); và từ mình (ngã - tôi) tính xuống bốn đời là: tử (con), tôn (cháu), tăng tôn (chắt), huyền tôn (chút). Vì thế, nguyên tắc phụ quyền theo huyết thống người cha đã khiến cho dòng họ nội chiếm ưu thế và hơn hẳn dòng họ ngoại trong quan hệ họ hàng thân tộc của người Việt xưa⁽¹²⁾.

Ngoài ra, nguyên tắc phụ quyền còn chi phối việc thi hành chế độ thừa kế gia sản (ruộng đất của họ, nhà thờ họ và những đồ gia bảo). Theo nguyên tắc này thì chỉ người

đàn ông giữ vai trò trưởng họ/tộc mới được quyền thừa kế bất động sản của dòng tộc, đó là: từ đường, hay nhà thờ họ, đồ vật gia bảo và ruộng hương hỏa. Đồng thời nguyên tắc phụ quyền còn chi phối đến việc trao truyền gia sản cho mỗi thành viên trong gia tộc. Điều này cũng được nhà nước phong kiến bảo hộ, qua bộ luật Hồng Đức, thời vua Lê Thánh Tông (1460-1497) và bộ luật Gia Long, dưới triều vua Nguyễn Gia Long (1802-1820). Theo đó, người con trai trưởng (là gia trưởng - trưởng họ) nhận trách nhiệm thờ tự tổ tiên, nên được hưởng hoa lợi nhiều hơn. Nhờ vậy, mà dòng họ người Việt lưu truyền giữ gìn của cải, gia sản qua nhiều đời trong họ tộc, để lấy kinh phí duy trì việc thờ cúng tổ tiên, trùng tu nhà thờ họ, tôn tạo phần mộ tổ tiên, sửa soạn giỗ chạp... một cách liên tục và lâu dài cho con cháu muôn đời về sau.

2.3. Các thiết chế sinh hoạt văn hóa dòng họ

2.3.1. Nhà thờ họ - từ đường của họ tộc

Trước đây, các dòng họ ở khắp các làng xã vùng đồng bằng Bắc Bộ đều cho xây dựng một ngôi nhà thờ để thờ vị thủy tổ của dòng họ mình, được gọi là từ đường của họ tộc. Tại bàn thờ của nhà thờ họ có đặt bài vị của thủy tổ họ tộc. Trên bài vị thường ghi rõ đó là vị thủy tổ của họ tộc mình, như: “Trần môn lịch đại tổ tôn thần chủ”, nghĩa là: “Thần chủ tổ tiên họ Trần”. Bài vị xưa thường được ghi bằng chữ Hán, và thần chủ không bao giờ thay đổi, nên gọi là: “Bách thế bất diêu chi chủ”. Trong làng cũng có một số dòng họ không có điều kiện xây nhà thờ họ thì bàn thờ tổ tiên được lập tại nhà gia trưởng - trưởng họ; vì vậy, khi đến ngày giỗ họ thì tổ chức tại đây, tương tự như tại nhà thờ họ. Phần lớn các dòng họ làm nhà thờ vị thủy tổ dòng họ mình để cho dòng/chi trưởng nam đời đời giữ hương

hỏa. Chỉ trong trường hợp dòng trưởng chẳng may tuyệt tự thì việc thờ cúng tổ tiên mới chuyển sang chi thứ mà thôi⁽¹³⁾.

Mặt khác, những dòng họ lớn lại chia ra nhiều chi, mỗi chi lại đông con cháu thì những dòng họ đó lập thêm nhà thờ chi họ riêng để thờ tổ chi của mình, gọi là “Bản chi từ đường”. Và trên bàn thờ tổ chi họ ấy cũng có bài vị của cụ tổ chi, gọi là: “Thần chủ bản chi được thờ đời đời”, được bày đặt ở vị trí trang nghiêm nhất⁽¹⁴⁾. Nhà thờ họ nói chung đều được xây dựng trên mảnh đất riêng của dòng họ, do con cháu góp tiền của mua làm của chung họ tộc; hoặc trong dòng họ có một số đàn ông vô tự, hoặc phụ nữ do hoàn cảnh cô đơn (không có chồng con), họ cung tiến ruộng hay tiền của cho họ tộc, nên khi những người đàn ông, hoặc phụ nữ ấy qua đời, sẽ được thờ ở nhà thờ họ (trên ban thờ Hậu). Còn những thửa ruộng ấy của dòng họ được gọi là ruộng kị, tức là họ tộc cho người cấy hái lấy hoa lợi để làm giỗ họ; và làm giỗ cho những người (nam vô tự và phụ nữ cô quả) cung tiến ruộng cho họ tộc, cũng được họ cúng giỗ chu đáo, gọi là ngày giỗ Hậu⁽¹⁵⁾.

Nhìn chung, nhà thờ họ đều được xây trên mảnh đất cao ráo, với thế đất đẹp và hợp phong thủy, thường có tường gạch bao quanh, phía trước có cổng tam quan, qua sân gạch rộng là đến một nếp nhà xây kiểu chồng rường, lợp ngói ta, gồm ba gian, hoặc năm gian (theo kiểu chữ nhất (-)) của chữ Hán). Ở gian giữa thiết trí bàn thờ tổ: phía ngoài là hương án, rồi đến bàn thờ chính; trên đó đặt tay ngai và long khám bên trong để thần chủ của vị thủy tổ dòng họ; ở hai bên gian trái và phải của nhà thờ họ có thiết trí bàn thờ các vị tổ tiên kế thế, hoặc danh nhân, khoa bảng cao nhất của dòng họ, hoặc bàn thờ các ông vô tự và các bà “cô”. Phía trước hương án, tại gian giữa có treo bức đại tự bằng chữ Hán, như “Lê tộc từ đường” (nghĩa là “nhà thờ họ Lê”).

Trên các xà dọc và cột chính (gian giữa) của từ đường thường treo các bức đại tự hoặc câu đối bằng chữ Hán, với nội dung ca ngợi truyền thống lịch sử, văn hóa và các vị khoa bảng, hoặc danh nhân của dòng họ. Trong nhà thờ họ có khá nhiều đồ khí tự do con cháu trong họ đóng góp mua sắm, hoặc cung tiến như: hương án, long khám, tay ngai, cây đèn, ống hương... đều sơn son thếp vàng, hoặc cẩn xà cừ rất đẹp và lộng lẫy. Ngoài ra còn có bộ bình hương bằng sứ cổ, có khi là bộ lư hay đỉnh hương cổ bằng đồng, với hai cây đèn, hai con hạc bằng đồng, hai ống hương, hai lọ độc bình để cắm hoa. Dân gian xưa còn sử dụng các bộ đồ thờ theo cách gọi phổ biến là: “tam sự”, “ngũ sự” hay “thất sự” bằng đồng, đồ thiếc hoặc đồ gỗ quý sơn son. Người xưa rất coi trọng và giữ gìn cẩn thận những đồ thờ tự tổ tiên của nhà thờ họ, không ai dám cầm bán bao giờ. Nếu nhà nào, do hoàn cảnh cơ nhỡ bị lâm vào cảnh nghèo túng, mà phải cầm bán các đồ thờ ấy, thì sẽ bị bà con họ hàng chê cười, coi là đồ bất kính, hay là kẻ bất hiếu với tổ tiên ông bà, không ai thèm nhìn mặt nữa⁽¹⁶⁾.

2.3.2. Về phần mộ tổ tiên của dòng họ

Phần mộ tổ tiên là nơi yên nghỉ của cụ Thủy tổ, cùng các vị tổ kế thế của dòng họ. Phần mộ của cụ thủy tổ (mộ tổ) thường được xây dựng theo kiến trúc dân gian bề thế, uy nghi. Theo thuyết phong thủy, dân gian thường đặt mộ tổ ở những nơi có thế đất đẹp và có khả năng phát về sau. Mộ tổ thường được xây bằng gạch chi, khuôn theo hình tròn, hoặc hình chữ nhật; phía trên mộ có tấm bia đá ghi rõ họ tên của cụ thủy tổ, cùng ngày tháng năm sinh và năm mất của cụ; xung quanh ngôi mộ tổ có xây tường gạch bao quanh, cao khoảng 50 - 60cm, theo hình tròn, hình chữ nhật hoặc hình vuông; Nếu xây tường bao quanh mộ, thì

phía trước phải có cửa mộ, và phải xây bức bình phong trước cửa mộ, để che gió cho hướng mộ; ngoài ra còn phải xây bức bình phong ở phía sau mộ, để chắn hướng gió chạm tới mạch mộ. Trường hợp những dòng họ (trước kia) có nghĩa trang riêng thì mộ của vị thủy tổ luôn được táng ở vị trí cao nhất, còn các vị tổ tiên khác của dòng họ cũng được táng theo hướng mộ tổ, có hàng lối và theo thứ bậc thấp dần, tạo thành một khu mộ khang trang, bề thế⁽¹⁷⁾. Những năm gần đây, việc xây dựng mộ tổ của các dòng họ giàu có thường theo kiến trúc mới to đẹp, bề thế và khang trang hơn trước nhiều (song vẫn phải tuân theo thuyết phong thủy một cách nghiêm ngặt), nhằm khẳng định vị thế của dòng họ mình. Mặt khác, hiện nay, do yêu cầu phát triển nông thôn mới, các làng xã đều quy hoạch một nghĩa trang chung, nên các dòng họ dần quy tập mồ mã của dòng họ mình vào đó, rồi xây dựng theo kiểu dáng kiến trúc mới theo hàng lối và tạo thành một khu “phố” mộ của người chết rất to đẹp và khang trang (nhất là các làng xã ở ngoại vi các thành phố lớn như: Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh...).

Việc đặt phần mộ của vị thủy tổ ở đâu, là rất quan trọng; vì nó có ảnh hưởng tốt hay xấu đối với con cháu của dòng họ. Thực tế cho thấy rằng, một dòng họ nào đó phát đạt về mặt khoa cử, hay quan chức hoặc binh nghiệp, đều tin rằng, nhờ vị thủy tổ dòng họ mình được táng ở vị trí đắc địa, là nơi đất tốt hợp phong thủy (như “mả táng hàm rồng”...). Từ bao đời nay, trong dân gian người Việt vẫn lưu truyền câu tục ngữ “Sống về mồ mả, ai sống về cả bát cơm” để nhắc nhở con cháu của các dòng họ phải chú trọng việc chăm sóc phần mộ tổ tiên. Nếu trong cuộc sống gặp phải chuyện chẳng lành, thì người ta cho rằng mộ tổ (hay mộ của vị

tổ tiên, ông bà nào đó trong gia tộc bị “động”). Vì thế, hằng năm vào dịp cuối năm, các dòng họ phải lo sửa sang, tôn tạo phần mộ của tổ tiên, ông bà; hoặc vào dịp tết Thanh minh xưa có lễ tảo mộ, được đại thi hào Nguyễn Du nhắc đến trong *Truyện Kiều* như: “Thanh minh trong tiết tháng ba, Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh”. Điều đó chứng tỏ, trước đây vào dịp Thanh minh tháng ba âm lịch hằng năm, thì người ta đi lễ tảo mộ tổ tiên, ông bà đông như trảy hội.

2.3.3. Giỗ họ và nghi thức tế - lễ cúng giỗ tổ tiên

Giỗ họ là một sinh hoạt văn hóa cộng đồng, là sự thể hiện cụ thể việc thờ cúng tổ tiên của gia tộc - một trong những nghĩa vụ thiêng liêng nhất của con cháu. Đây là một việc làm mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, giúp cho con cháu đời sau không quên tổ tiên giống nòi và cội nguồn văn hóa của gia đình và dòng họ mình. Bởi lẽ thông qua việc cúng giỗ tổ tiên, ngoài sự bày tỏ lòng thành kính, hiếu thảo của người sống đối với người chết, mà thực chất ngày giỗ tổ, hoặc ngày giỗ các vị tổ tiên kế thế còn là ngày con cháu kỉ niệm tưởng nhớ công danh sự nghiệp của người đã mất, để tri ân công đức của họ, đã phù trợ cho con cháu được nhiều may mắn, tốt lành và tai qua nạn khỏi bấy lâu nay. Vì vậy, hằng năm cứ đến ngày giỗ của vị thủy tổ dòng họ (giỗ họ), hoặc các vị tổ tiên kế thế, thì tất cả con cháu lại tụ tập đông đủ tại nhà thờ họ, hoặc ở nhà trưởng chi, để cúng giỗ tưởng niệm, nhằm mục đích ôn lại những hành trạng và công đức của tổ tiên, ông bà; đồng thời cũng là cơ hội tốt để chú bác, anh em, con cháu nội ngoại cùng ăn uống thân mật, cộng cảm với nhau, cùng giao lưu thăm hỏi, động viên, giúp đỡ nhau, nhằm thắt chặt hơn tình thân thích ruột thịt. Việc tổ chức cúng giỗ tổ tiên trang trọng và ăn uống linh đình

trong ngày giỗ họ xưa, do trưởng họ và “Ban tổ chức” (gồm tất cả các vị trưởng chi, xưa gọi là “quan viên”) của các dòng họ tự lo liệu theo đúng lệ họ. Ngày nay các dòng họ bầu lên Ban tộc biểu (hoặc Ban chi biểu) gồm các vị có uy tín, có học vấn cao, cùng với vị trưởng họ và các vị trưởng chi họ tham gia điều hành công việc chung của dòng họ (gọi tắt là việc họ). Đến ngày giỗ tổ, sau khi đã sửa soạn đủ lễ vật như: xôi trắng - thủ lợn (xôi được đơm lên mâm, phía trên đặt thủ lợn, đã luộc chín thật ngay ngắn, bên trong thủ phải có đủ đuôi, lòng và tim lợn, thì mới thành kính với tổ tiên), cùng rượu trà, quả thực..., bày lên bàn thờ. Khi con cháu đã tề tựu đông đủ, thì chủ tế và ban tế cử hành nghi thức tế và nghi lễ cúng giỗ tổ tiên. Chủ tế thường là vị tộc trưởng cùng các vị trong ban tế mặc lễ phục cổ truyền, đội ngũ chỉnh tề bắt đầu việc tế tổ tiên. Chủ tế bước lên chiếu giữa trịnh trọng đọc chúc văn tế tổ, với nội dung ca ngợi công đức của thủy tổ cùng các vị tổ tiên kế thế. Sau khi đã hoàn tất phần tế thì chuyển sang phần lễ bái tổ tiên, con cháu lần lượt theo vai vế, thế thứ mà vào khấn lễ tổ tiên. Tiếp đến là phần ăn cỗ, các mâm cỗ thịnh soạn (không thể thiếu hai món chủ đạo là thịt lợn luộc và xôi trắng) được dọn ra các chiếu để mời các bậc cao niên, khách khứa, các quan viên, bà con họ hàng, cùng con cháu; mọi người đi ăn giỗ họ đều mang lộc về nhà cho con cháu cùng hưởng lấy may.

Từ những năm 60 của thế kỉ trước, các dòng họ ở miền Bắc nước ta không còn ruộng hương hỏa nữa, nên các dòng họ đều tự lập “quỹ họ” do con cháu đóng góp tiền bạc, để chi dùng vào việc cúng giỗ tổ tiên ông bà và các việc khác của dòng họ như: sửa sang mộ tổ, tôn tạo nhà thờ họ, mua sắm thêm đồ khí tự, v.v... Những năm gần đây, nhiều dòng họ ngoài việc lập quỹ họ,

còn lập quỹ khuyến học để khích lệ việc học hành của con cháu trong họ, nhất là những dòng họ vốn có truyền thống hiếu học, khoa bảng (như dòng họ Bùi Thịnh Liệt, Hà Nội...), thì những con cháu học giỏi, hoặc đỗ đạt cao, đều được trường Ban khuyến học của dòng họ xướng danh và trao phần thưởng của dòng họ nhân ngày giỗ tổ, nhằm cổ vũ tinh thần hiếu học và tăng thêm niềm tự hào về truyền thống hiếu học, khoa bảng của gia tộc dòng họ mình.

Như vậy, có thể nói, bữa ăn cỗ trong ngày giỗ họ là bữa ăn cộng cảm của những người thân trong gia tộc với nhau, nên rất đầm ấm. Nếu xét từ góc độ văn hóa tinh thần thì ngày giỗ tổ tiên được họ tộc tổ chức chu đáo, trang nghiêm sẽ có tác dụng giáo dục rất tốt đối với con cháu trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa gia tộc. Trên cơ sở đó, tổ tiên đã trở thành chiếc cầu nối từ quá khứ đến hiện tại và hướng về tương lai, để giúp cho những người đang sống nhớ ơn những người đã khuất, học tập và noi gương họ, để sống thật xứng đáng và có trách nhiệm với họ tộc.

3. Kết luận

Từ gia đình đến dòng họ, và từ các dòng họ ra đến cộng đồng làng xã, cộng đồng dân tộc, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong gia đình và dòng họ của người Việt từ bao đời nay đã trở thành thuần phong mỹ tục của dân tộc ta, để nhắc nhở các thế hệ con cháu luôn nhớ về cội nguồn và tổ tiên giống nòi. Trên cơ sở của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên gia tộc dòng họ, đã hình thành trong mỗi người dân đất Việt lòng kính trọng tổ tiên giống nòi, cùng với lòng nhân ái, yêu thương đồng loại và lòng yêu quê hương xứ sở. Chính vì lẽ đó, mà chúng tôi cho rằng, các thiết chế sinh hoạt văn hóa xuất phát từ tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên gia đình, dòng họ của người Việt đã tạo thành

một môi trường thuận lợi nuôi dưỡng văn hóa gia đình, dòng họ trường tồn với thời gian; đồng thời môi trường ấy nuôi dưỡng các sắc thái văn hóa gia đình, đặc biệt là những sắc thái văn hóa dòng họ tồn tại và phát triển, góp phần tích cực làm cho bản sắc văn hóa dân tộc Việt thêm phong phú đa dạng.

Trải qua bao thăng trầm, văn hóa dòng họ người Việt vẫn tồn tại và phát triển mạnh mẽ, tạo ra những sắc thái và diện mạo cấu trúc riêng của mình, trên nền cảnh cơ cấu chung của nền văn hóa dân tộc Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Như vậy, văn hóa dòng họ của người Việt đã có lịch sử hình thành và phát triển khá lâu đời; nó bao hàm những giá trị văn hóa tinh thần (hay văn hóa phi vật thể) như: bề dày truyền thống của gia đình, dòng họ về gia phong, về thờ cúng tổ tiên và nghi lễ; quy ước dòng họ về mối quan hệ giữa các thành viên nội tộc, mối quan hệ với xã hội (làng - nước), vai trò và vị trí của gia đình, dòng họ đối với sự phát triển của các làng xã, của đất nước và dân tộc trong lịch sử và các giá trị văn hóa vật chất (hay văn hóa vật thể) như: bia kí, gia phả, bàn thờ tổ tiên, nhà thờ họ (từ đường), phần mộ tổ tiên, v.v... Đó chính là những yếu tố cơ bản cấu thành văn hóa dòng họ người Việt, và nó đã trải qua một quá trình hình thành và phát triển, cũng như biến đổi mạnh mẽ theo tiến trình lịch sử văn hóa dân tộc, để tạo nên một loại hình văn hóa cộng đồng thân tộc, với những đặc trưng riêng rất rõ nét. □

N.Q.L

(*) Bài viết này thuộc đề tài cấp Bộ “Những biến đổi văn hóa dòng họ người Việt thời kì Đổi mới và Hội nhập quốc tế (Nghiên cứu trường hợp: Những biến đổi văn hóa dòng họ Bùi ở Thịnh Liệt - Hà Nội)”, do PGS. TS. Nguyễn Quang Lê làm chủ nhiệm, thực hiện trong hai năm 2013 - 2014.